

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư

không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: - Theo bảng Danh mục các vật tư vật liệu chủ yếu yêu cầu ở Mục III - Chương V – E-HSMT.	Có hợp đồng nguyên tắc. (Nhà thầu phải đính kèm bản chụp hợp đồng nguyên tắc).	Đạt
	Có ≥ 1 vật tư không có hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật		
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau: (1) Kho bãi tập kết thiết bị thi công, vật liệu, lán trại; (2) Bố trí rào chắn, biển báo; (3) Giải pháp cấp điện, thoát nước;	Có công tác tổ chức mặt bằng thi công (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ của từng công tác tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có hoặc thiếu ≥ 1 công tác tổ chức mặt bằng thi công (thiếu thuyết minh hoặc thiếu bản vẽ hoặc thiếu cả thuyết minh và bản vẽ) hoặc có công tác tổ chức mặt bằng thi công theo yêu cầu nhưng không hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.	
	Không có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công:		
Biện pháp thi công các công tác sau đây:	.Đối với tất cả các công tác: Nêu đầy đủ và hợp lý và có kèm bản vẽ minh họa.	Đạt
Biện pháp thi công của tất cả các công tác của tất cả các hạng mục theo Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc.	Biện pháp thi công không hợp lý hoặc không nêu đầy đủ các công tác hoặc nêu đầy đủ các công tác nhưng không đính kèm bản vẽ minh họa.	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá số ngày yêu cầu trong E-HSMT.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá số ngày yêu cầu trong E-HSMT.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và với nhân sự đề xuất	Đề xuất hợp lý, khả thi.	Đạt
	Không đề xuất hoặc Có đề xuất nhưng không hợp lý, khả thi.	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu	Có Biểu tiến độ thi công chi tiết hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không chi tiết (hoặc không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT).	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:		
5.1 Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý	- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
chất lượng	- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	
	Không trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư và thiết bị để phục vụ công tác thi công bao gồm các nội dung sau: (1) Lập bảng danh mục vật tư, vật liệu theo yêu cầu tại Mục III chương V của E-HSMT. (2) Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị. (3) Biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công: Biện pháp quản lý chất lượng của tất cả các công tác của tất cả các hạng mục theo Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc. (4) Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão.	Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
	Không nêu hoặc thiếu ≥ 1 biện pháp hoặc có nêu nhưng không phù hợp với biện pháp thi công.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
6.1. An toàn lao động:	Có biện an toàn lao động hợp lý, rõ ràng	Đạt
Biện pháp an toàn lao động	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có Biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy:	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng	Đạt
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.3. Vệ sinh môi trường: Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	Không đạt
7. Bảo hành của nhà thầu:		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn (hoặc bằng) 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Không đạt
8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng (Đối với nhà thầu liên danh từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này): Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong vòng 03 năm trở lại đây gồm: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng; b) Chất lượng công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do;	Nhà thầu có bản scan cam kết không thuộc các trường hợp sau: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng: Bị trễ tiến độ do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên; b) Chất lượng công trình: Không đảm bảo do lỗi nhà thầu gây ra từ 02 hợp đồng trở lên; c) “Vi phạm hợp đồng, bị Chủ đầu tư phạt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên” hoặc “Vi phạm hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên”.	Đạt
	Nhà thầu không có bản scan cam kết không thuộc các trường hợp sau: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng: Bị trễ tiến độ do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên; b) Chất lượng công trình: Không đảm bảo do lỗi nhà thầu gây ra từ 02 hợp đồng trở	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	lên; c) “Vi phạm hợp đồng, bị Chủ đầu tư phạt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên” hoặc “Vi phạm hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên”.	
9. Thông tin kê khai trong E-HSDT (Đối với nhà thầu liên danh từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này): Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.		
Cam kết thông tin kê khai trong E-HSDT	Nhà thầu có bản scan cam kết tất cả thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.	Đạt
	Nhà thầu không có bản scan cam kết tất cả thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực hoặc cam kết không trung thực.	Không đạt
Kết luận	Có tất cả nội dung yêu cầu được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.	Đạt
	Có $\geq$ 01 nội dung yêu cầu được đánh giá là “Không đạt”.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

*** Ghi chú:**

- Giá gói thầu (Dự toán gói thầu) trong thông báo mời thầu thuế VAT là 8%.
- Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào giá bao gồm thuế VAT tạm tính 8%.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không được phép.

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ *[ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế]*.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.